

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HS-ST
Ngày: 15-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân
2. Ông Đoàn Tr Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Đàm – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Đặng Hữu Đ, sinh ngày 19/5/2000; Nơi sinh: huyện Phú Tân, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Ấp Phú Đ, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; Con ông Đặng Văn D và bà Nguyễn Thị H; Anh em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ: Đặng Gia L; Có 01 con sinh năm 2018. Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 22/11/2018, bị Công an xã Phú Xuân quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng, về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Đã chấp hành xong quyết định; Ngày 23/01/2019, có hành vi “Trộm cắp tài sản” (bình gas, trị giá 250.000 đồng) bị phát hiện. Đến ngày 18/7/2019, Công an thành phố Châu Đốc quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng. Đã chấp hành xong quyết định; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2019 đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Chí T, sinh ngày 20/10/1999; Nơi sinh: huyện Chợ M, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: ấp Phú Đ, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; Con ông Nguyễn Văn Q và bà Võ Thị D; Anh em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2019 đến nay (có mặt).

- Bị hại:

1/ Ông Phạm Hữu Ph sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp Phú T, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An giang

2/ Ông Huỳnh Văn Đ1 sinh năm 1972

3/ Ông Huỳnh Văn Đ2 sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Ấp Phú Đ, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An giang.

(các bị hại vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/Anh Trần Minh Tr sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp Phú Đ, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An Giang.(có mặt)

2/ Bà Bùi Thị H, sinh năm 1972(có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đông Th, xã Đông Th, huyện Bình M, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Hòa TH, xã Châu Ph, thị xã Tân Ch, tỉnh An Giang.

3/ Anh Đồng Văn D, sinh năm 1974(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hòa TH, xã Châu Ph, thị xã Tân Ch, tỉnh An giang.

4/ Chị Nguyễn Thị Nh (Ph), sinh năm 1975(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hòa A, xã Hòa L, huyện Phú T, tỉnh An giang.

5/ Ông Lê Văn C, sinh năm 1965(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hòa L, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng:

1/ Chị Phạm Thị Thùy L, sinh năm 1996(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú T, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2/ Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1970(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú T xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An Giang

3/ Anh Trần Văn M, sinh năm 1977, Địa chỉ: Ấp Phú Q, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang(có mặt)

4/ Anh Huỳnh Quốc Khánh E, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Đ, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An Giang

5/ Chị Võ Thị D, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Đ, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

6/ Đặng Gia L, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Th, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

7/ Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1996(có mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Đ, xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

8/ Ông Nguyễn Văn H sinh năm 1953(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phú Hội X, xã Phú L, huyện Châu Th, tỉnh Đồng Tháp.

9/ Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hưng TH, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ2 tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 07/7/2019 Nguyễn Chí T, ngụ ấp Phú Đ xã Phú X, huyện Phú Tân đến nhà của Trần Minh Tr, cùng ấp hỏi mượn Tr xe gắn máy biển số 66FH - 7776 (do Nguyễn Văn S, ngụ Phú Hội X - Phú Đ - Châu Th - Đồng Tháp đứng tên giấy chứng nhận đăng ký) Đ đi công việc. Sau đó, T chuẩn bị công cụ, gồm: 01 cây kéo bằng kim loại, cán nhựa màu đen; 01 cây kìm bằng kim loại; 01 cây kìm bấm bằng kim loại, có chữ AMERICAN TOOL- PETERSEN; 01 cây kìm răng bằng kim loại; 02 cây khóa số 19, có chữ DIAMOND BRAND và 01 cây tua vích bằng kim loại, cán nhựa trong có sơn màu đỏ, mục đích Đ đi tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T điều khiển xe gắn máy và mang theo dụng cụ đến khu vực ấp Hiệp H, xã Hiệp X thấy nhà của Huỳnh Thành L, cửa khóa, không người trông giữ nên dừng xe trước nhà. Sau đó, T mang theo dụng cụ đã chuẩn bị trước đi ra phía sau nhà, phá cửa sau vào nhà lục tủ quần áo tìm tài sản Đ lấy nhưng bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ phương tiện, dụng cụ nêu trên, giao Công an xã Hiệp Xương tạm giữ hành chính Đ làm rõ xử lý.

Qua làm việc, T thừa nhận vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 01/7/2019, T mượn xe đạp của Tr và chạy đến khu vực Phú T, xã Phú X, huyện Phú Tân thấy nhà của Phạm Hữu Ph đóng cửa, không người trông giữ nên có ý định vào nhà tìm tài sản lấy trộm. T dựng xe đạp, đi ra sau nhà, dùng thanh sắt phá cửa vào nhà lấy trộm 01 bộ loa đồng (trị giá 6.400.000 đồng) và 01 ti vi nhãn hiệu LED DARLING, 32 inch (trị giá 2.065.000 đồng). Tổng giá trị tài sản là 8.465.000 đồng. Sau đó, T chở tài sản lấy trộm Đ2 đến khu dân cư xã Phú Xuân giầu. Lúc này, T gặp Đặng Hữu Đ, ngụ cùng ấp cho biết vừa lấy trộm Đ2 bộ loa đồng và ti vi, đồng thời kêu Đ chờ Đ T mượn xe chở tài sản lấy trộm đi tiêu thụ. Lúc này, Đ lấy xe đạp của T chở bộ loa đồng đến bán cho Bùi Thị

H (sinh năm 1972, ngụ ấp Hòa TH, xã Châu Ph, thị xã Tân Ch) Đ2 2.000.000 đồng. Sau đó, T thuê Nguyễn Thị Hồng Đ (cùng xóm) chở T cùng ti vi lấy trộm đến bán cho H Đ2 1.200.000 đồng. T trả tiền công cho Đ 200.000 đồng. Số tiền mỗi người bán tài sản lấy trộm Đ2, T và Đ tự giữ, tiêu xài cá nhân và sử dụng ma túy. Sau đó, H bán bộ lư đồng lại cho Lê Văn C, ngụ ấp Hòa L, xã Phú H, huyện Phú T Đ2 3.800.000 đồng.

Căn cứ vào lời khai của T, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Phú Tân tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Đặng Hữu Đ Đ làm rõ. Qua điều tra, Đ thừa nhận cùng với T thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Lần 1: Khoảng 11 giờ ngày 21/6/2019, Đ chuẩn bị và mang theo dụng cụ như: 01 thanh kim loại dạng ống, dài 29,5cm; 01 cây búa, dài 31,5cm; 01 cây kéo, cán nhựa màu đen, dài 22cm; 01 cây kéo bằng kim loại, cán Đ2 quấn vải màu đỏ, dài 25cm; 01 cây kìm răng, cán nhựa màu đỏ, dài 16cm; 01 cây Tua vích, cán nhựa màu hồng, dài 26,5cm; 01 thanh kim loại (loại sử dụng Đ cạy vỏ xe), dài 29cm và 01 lưỡi hái, cán gỗ, dài 29cm (dụng cụ Đ trong bọc nylon) rồi chạy xe đạp (mượn của T) đến nhà Huỳnh Văn Đ1, thuộc ấp Phú Đông, xã Phú Xuân Đ lấy trộm tài sản, do biết gia đình Đ1 đi làm ăn xa, không người trông giữ. Đ trèo rào vào bên trong sân, đến mở khóa cửa trước, vào nhà của Đ1 lấy trộm 01 bộ lư đồng (trị giá 5.650.000 đồng) và 01 ti vi nhãn hiệu LG, 49 inch (trị giá 8.250.000 đồng). Tổng giá trị tài sản là 13.900.000 đồng. Sau khi lấy Đ2 tài sản, Đ mang ra ngoài cổng rào, dùng màn vải che lại. Sau đó, Đ mang bộ lư đồng đến gặp T và cho biết vừa lấy trộm, đồng thời kêu T lấy xe chở đi tiêu thụ. T mượn xe gắn máy biển số 66FH - 7776 của Trần Minh Tr đến chở Đ cùng với bộ lư đồng đến bán cho Bùi Thị H Đ2 1.500.000 đồng. Đ nhận và giữ tiền. Sau khi bán bộ lư đồng xong, trên đường về, Đ nói cho T biết còn ti vi 49 inch đã lấy trộm của Đ1 đang giấu tại nhà Đ1. Đồng thời, Đ kêu T chở đến nơi giấu ti vi lấy rồi cả hai đem đến bán cho H với giá 3.600.000 đồng. Số tiền bán Đ2 cả 02 tiêu xài cá nhân. Sau đó, H bán ti vi cho Đồng Văn D, ngụ ấp Hòa TH, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu Đ2 5.000.000 đồng.

Lần 2: Đến khoảng 11 giờ ngày 22/6/2019, Đ mang theo dụng cụ như nêu trên tiếp tục đến nhà của Huỳnh Văn Đ2 (sát vách nhà của Huỳnh Văn Đ1 và sử dụng chung hàng rào) Đ lấy trộm tài sản. Đ ra phía sau nhà, dùng búa phá cửa sau, vào nhà của Đ2 lấy trộm 01 ti vi nhãn hiệu SAMSUNG, 42 inch (trị giá 5.737.500 đồng) rồi đem ra ngoài cổng rào, dùng màn vải che lại. Sau đó, Đ đến thuê Trần Minh Tr chở ti vi đến bán cho H Đ2 3.000.000 đồng. Đ trả tiền công cho Tr 200.000 đồng, còn lại tiêu xài cá nhân và sử dụng ma túy. Sau đó, H bán ti vi cho Nguyễn Thị Nh (Út Ph), ngụ ấp Hòa A, xã Hòa L, huyện Phú T Đ2 3.500.000 đồng.

Căn cứ các Kết luận định giá tài sản số 61 và 63 cùng ngày 04/7/2019; số 65 ngày 11/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phú Tân, kết luận: 01 ti vi màn hình phẳng màu đen, nhãn hiệu LG, 49 inch; 01 ti vi màn hình phẳng màu đen, nhãn hiệu SAM SUNG, 42 inch; 01 ti vi màn hình phẳng màu đen, nhãn hiệu LED DARLING, 32 inch và 02 bộ lư đồng. Có tổng giá trị là 28.102.500 đồng.

Ngày 17/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Phú Tân khởi tố vụ án, khởi tố bị can, tạm giam Đặng Hữu Đ và Nguyễn Chí T Đ điều tra, xử lý.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Bị hại Phạm Hữu Ph, Huỳnh Văn Đ1 và Huỳnh Văn Đ2 trình bày đã nhận lại tài sản bị mất trộm. Riêng, cửa nhà bị cạy, phá hư hỏng nhẹ nên tự sửa chữa, không yêu cầu bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Minh Tr trình bày: Xe gắn máy biển số 66FH - 7776 là do Tr mua lại của Phạm Văn Q, giá 3.500.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu. Vào ngày 07/7/2019, Nguyễn Chí T có đến hỏi mượn xe gắn máy đi công việc. Sau đó, Tr mới biết T sử dụng xe này đi trộm cắp tài sản bị phát hiện và thu giữ. Nay, Tr xin Đ2 nhận lại xe gắn máy. Trước đây, T có đến mượn xe đạp sử dụng nhưng làm mất, do giá trị không lớn nên không yêu cầu T bồi thường. Ngày 22/6/2019, Đ có đến thuê Tr chở đi bán ti vi (loại 42 inch). Tr điều khiển xe gắn máy biển số 66FH - 7776 chở Đ cùng ti vi đến khu vực ấp Hòa TH, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu. Đ vào bán ti vi cho một người phụ nữ bán gà, còn Tr đậu xe bên ngoài chờ. Bán ti vi xong, Đ trả tiền công cho Tr 200.000 đồng. Tr không biết tài sản do Đ phạm tội mà có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H trình bày: Trong tháng 6 và đầu tháng 7/2019, H có mua tài sản do Đ và T mang đến bán. Cụ thể:

+ Đ và T chạy xe gắn máy biển số 66FH - 7776 đến bán bộ lư đồng, giá 1.500.000 đồng và ti vi nhãn hiệu LG (loại 49 inch), giá 3.600.000 đồng. Sau đó, H bán ti vi lại cho Đồng Văn D Đ2 5.000.000 đồng, còn lại bộ lư đồng đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Đ xử lý.

+ Đ đến bán ti vi nhãn hiệu SAMSUNG (loại 42 inch), giá 3.000.000 đồng. Sau đó, H bán lại cho Nguyễn Thị Nh (Út Ph) Đ2 3.500.000 đồng.

+ Đ chạy xe đạp đến bán bộ lư đồng, giá 2.000.000 đồng. Sau đó, H bán lại cho Lê Văn Cộp Đ2 3.800.000 đồng.

+ T cùng đi với một người phụ nữ đến bán ti vi nhãn hiệu LED DARLING (loại 32 inch), giá 1.200.000 đồng. H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Đ xử lý.

Khi mua tài sản, H không biết do Đ và T phạm tội mà có, vì cả hai đem bán vào ban ngày và cho biết tài sản của gia đình đem bán Đ điều trị bệnh cho người thân nên tin tưởng và đồng ý mua.

H đã hoàn trả lại tiền mua tài sản cho D, Nh và Cốp. Đồng thời, H đã cùng vợ của Đ là Đặng Gia L thỏa thuận và nhận bồi thường số tiền 8.000.000 đồng do Đ bán tài sản lấy tiền sử dụng. Nay, H chỉ yêu cầu T bồi thường số tiền 3.300.000 đồng

Anh Đồng Văn D, chị Nguyễn Thị Nh (Út Phượng) và anh Lê Văn Cốp trình bày đã giao nộp tài sản cho Cơ quan điều tra Đ xử lý, đồng thời đã Đ2 H hoàn trả lại số tiền mua tài sản nên không yêu cầu thêm.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang truy tố Đặng Hữu Đ và Nguyễn Chí T tại Cáo trạng số 25/CT-VKS-PT ngày 12/9/2019, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, theo khoản 1, Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 Đ2 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo Đặng Hữu Đ và Nguyễn Chí T về tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323; Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 Đ2 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đặng Hữu Đ mức án từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323; điều 38, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 Đ2 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Về hình phạt bổ sung : do hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự : áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự, đề nghị HĐXX tuyên : “Buộc bị cáo T trả lại cho người liên quan Bùi Thị H số tiền 3.300.000đ.

Về xử lý vật chứng : áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị HĐXX tuyên :

Trả lại cho anh Trần Minh Tr 01 xe gắn máy biển số 66FH – 7776, nhãn hiệu SAVI, màu sơn xanh xám, số máy 05080101448; số khung UM81001448(đã qua sử

dụng).

- Các vật chứng: kìm, kéo, búa.... (có biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu kèm theo tại Bút lục số: 68, 411, 412) là công cụ phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo Đặng Hữu Đ và bị cáo Nguyễn Chí T có ý kiến thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát và ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, đồng thời bị cáo xin Đ2 giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã Đ2 tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Tân, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Đặng Hữu Đ và bị cáo Nguyễn Chí T khai nhận: Ngày 21/6/2019 bị cáo Đ đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà ông Huỳnh Văn Đ1 lấy trộm 01 bộ lư đồng và 01 ti vi nhãn hiệu LG, 49 inch, sau đó bị cáo Đ cùng bị cáo Nguyễn Chí T bán Đ2 5.100.000 đồng, bị cáo T biết tài sản trên do bị cáo Đ trộm cắp mà có.

Ngày 22/6/2019 bị cáo Đ lén lút đột nhập vào nhà Huỳnh Văn Đ2 lấy trộm 01 ti vi 42inch, sau đó thuê Trần Minh Tr mang đi bán Đ2 3.000.000 đồng, Tr không biết tài sản trên do bị cáo Đ trộm cắp mà có.

Ngày 01/7/2019 bị cáo Nguyễn Chí T lén lút đột nhập vào nhà ông Nguyễn Hữu Ph lấy trộm 01 bộ lư đồng và 01 ti vi 32 inch, sau đó bị cáo T thuê Nguyễn Thị Hồng Đào mang ti vi đi bán Đ2 1.2.000.000 đồng, Bị cáo Đ tự mang bộ lư đi bán Đ2 2.000.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo Đ và bị cáo T phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Hành vi lấy trộm 02 bộ lư đồng và 03 cái ti vi trị giá 28.102.500 đồng của các bị hại mà bị cáo Đ và bị cáo T đã thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đủ định lượng tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định trong Bộ Luật hình sự.

Ngoài ra, Bị cáo T biết tài sản do bị cáo Đ trộm cắp mà có nhưng vẫn bị cáo Đ mang đi bán. Bị cáo Đ biết tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có vẫn mang đi bán. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ Luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với Cáo trạng số 25/CT-VKS-PT ngày 12/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân và ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc xác định bị cáo Đ và bị cáo T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 Đ2 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét về nguyên nhân phạm tội và tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Tài sản của công dân là do công sức của họ tạo ra hoặc do nguồn thu nhập hợp pháp khác mà họ có Đ2, nên tài sản riêng của công dân luôn Đ2 mọi người tôn trọng và Đ2 pháp luật bảo vệ, những hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản riêng công dân thì sẽ bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đặng Hữu Đ và bị cáo Nguyễn Chí T đứng trước Tòa hôm nay là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết Đ2 việc “Trộm cắp tài sản” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” là vi phạm pháp luật, nhưng do nghiện ma túy, lười lao động, có tính tham lam và xem thường pháp luật nên đã thúc đẩy các bị cáo phạm tội, đây cũng là nguyên nhân và là động cơ phạm tội của các bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo Đ và bị cáo T đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của anh Đ1, anh Đ2 và anh Ph, đồng thời còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương và làm cho người dân Hng mang lo sợ trong việc bảo vệ tài sản. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo, Đ răn đe, giáo dục bị cáo và Đ phòng ngừa chung loại tội phạm này ở địa phương.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đ có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 22/11/2018, bị Công an xã Phú Xuân quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 23/01/2019, bị Công an thành phố Châu Đốc quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”. Đã chấp hành xong các quyết định.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ đã thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản nên có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, xuất thân từ thành phần lao động, có tác động

gia đình khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra Đ2 quy định tại điểm b,s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần về trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối với bị cáo T : có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tự khai ra lần đi tiêu thụ tài sản do bị cáo Đ trộm cắp mà có, thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, xuất thân từ thành phần lao động, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có hạn chế, đây là tình tiết giảm nhẹ Đ2 quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm không yêu cầu các bị cáo bồi thường; anh Trần Minh Tr không yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị chiếc xe đạp đã mất; bị cáo Đ không yêu cầu anh Tr trả lại số tiền 200.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra Đ giải quyết.

Chị Bùi Thị H yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 3.300.000 đồng đã là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo T phải trả lại số tiền 3.300.000 đồng cho chị H.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 chiếc xe gắn máy biển số 66FH-7776, nhãn hiệu SAVI, màu sơn Xanh – xám, số máy 05080101448; số khung UM 81001448, đã qua sử dụng là tài sản của anh Trần Minh Tr, bị cáo T sử dụng làm phương tiện trộm cắp anh Tr không biết nên áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho anh Trần Minh Tr.

- Các vật chứng là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo Đặng Hữu Đ và bị cáo Nguyễn Chí T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và riêng bị cáo T còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 Đ2 sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên bố bị cáo Đặng Hữu Đ và bị cáo Nguyễn Chí T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; Điều 38, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, Đ2 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Đặng Hữu Đ 01 (một) năm tù về tội Trộm cắp tài sản và 09 (chín) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hình phạt chung bị cáo Đặng Hữu Đ phải chấp hành là 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/7/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; Điều 38, điểm s,r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, Đ2 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 09 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hình phạt chung bị cáo Nguyễn Chí T phải chấp hành là 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/7/2019.

Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 584; Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Tuyên trả lại anh Trần Minh Tr 01 chiếc xe gắn máy biển số 66FH-7776, nhãn hiệu SAVI, màu sơn Xanh – xám, số máy 05080101448; số khung UM 81001448, đã qua sử dụng.

Tuyên tịch thu tiêu hủy :

+ 02(hai) ổ khóa màu đen bằng kim loại, ở trạng mở, đều không có chìa(một ổ lớn, một ổ nhỏ) trên cả hai ổ khóa mặt trước có chữ HUY HOÀNG, mặt sau có hình con voi, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) thanh kim loại dạng ống, chiều dài 29,5cm đã qua sử dụng.

+ 01(một) cây búa đầu và cán bằng kim loại, tổng chiều dài 31,5cm đã qua sử dụng.

+ 01 (một) cây kéo bằng kim loại, cán nhựa màu đen chiều dài 22cm, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) cây kéo bằng kim loại, cán Đ2 quấn vải đỏ, chiều dài 25cm đã qua sử dụng.

+ 01(một) cây kìm răng bằng kim loại, cán nhựa màu đỏ chiều dài 16cm đã qua sử dụng.

+ 01 (một) cây tua vít bằng kim loại, cán nhựa màu hồng chiều dài 26,5cm đã qua sử dụng.

+ 01 (một) thanh kim loại (loại sử dụng Đ cạy vỏ xe) chiều dài 29cm, đã qua sử dụng

+ 01 (một) lưỡi hái nhỏ bằng kim loại, cán gỗ, tổng chiều dài 29cm đã qua sử dụng.

Vật chứng nêu trên hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân quản lý (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05 tháng 8 năm 2019).

Buộc bị cáo Nguyễn Chí T phải trả lại 3.300.000 đồng cho chị Bùi Thị H.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo T còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, anh Trần Minh Tr, bà Bùi Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Phạm Hữu Ph, ông Huỳnh Văn Đ1, ông Huỳnh Văn Đ2, anh Đồng Văn D, chị Nguyễn Thị Nh, ông Lê Văn Cộp vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận Đ2 bản án hoặc bản án Đ2 niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định Đ2 thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ2 thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ2 thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Tân;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Lâm Bảo Ngọc